

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập- Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2023/KDTM-PT

Ngày: 21-7-2023

*“Tranh chấp thực hiện nghĩa vụ  
theo thỏa thuận”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* ông Nguyễn Hồng Ánh

*Các thẩm phán:* - Ông Tạ Duy Ước

- Ông Bùi Đức Thanh.

**- Thư ký phiên tòa:** bà Trần Thị Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh:** bà Nguyễn Thị Cúc Phương -  
Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 21 tháng 7 năm 2023, tại Hội trường xét xử số 4, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại phúc thẩm thụ lý số 02/2023/TLPT-KDTM ngày 30/3/2023 về “tranh chấp thực hiện nghĩa vụ theo thỏa thuận”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 03/2023/KDTM-ST ngày 21/02/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh bị Công ty Cổ phần thép V là nguyên đơn kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 53/2022/QĐ-PT ngày 04/5/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 81/2023/QĐPT-KDTM ngày 14/6/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 84/2023/QĐPT-KDTM ngày 26/6/2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Công ty cổ phần thép V Việt Nam. Địa chỉ trụ sở: số 10+12, ngõ 188 Phố K, phường L, quận Đống Đa, TP. Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: ông Trần Đức V - chức vụ: Giám đốc Công ty, có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: công ty Luật TNHH MTV S; địa chỉ: Phường M, quận Hà Đông, TP. Hà Nội (Văn bản ủy quyền ngày 15 tháng

12 năm 2021). Người đại diện theo pháp luật của Công ty Luật TNHH MTV S: Luật sư Phạm H – chức vụ: Giám đốc, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của công ty Luật TNHH MTV S: Luật sư Nguyễn Đức D; địa chỉ: BT 16A3-12 Làng E, khu Đô thị mới M, phường M, quận Hà Đông, TP.Hà Nội (Văn bản ủy quyền ngày 31 tháng 5 năm 2023), có mặt

2. *Bị đơn*: Công ty TNHH đầu tư và phát triển Đ. Địa chỉ trụ sở: KM2 + 900, đường cao tốc Hạ Long Vân Đồn, phường H, TP.Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh. Người đại diện theo pháp luật: ông Phan Trung Hu - chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:

+ Ông Phạm Xuân Lg, trú tại: tổ 7, khu 3, phường HT, TP.Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, ông Đồng Anh T; địa chỉ liên lạc: P303, B11C, KĐT Nam Tr, phường Trung H1, quận Cầu Giấy, TP.Hà Nội, (Văn bản ủy quyền ngày 14 tháng 3 năm 2022), có mặt.

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*: Công ty cổ phần công nghiệp VT. Địa chỉ trụ sở: số 81C2, khu đô thị Đại B, quận Hoàng Mai, TP.Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: ông Hồ Nguyên O - chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Phạm Văn R; chức vụ: Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần công nghiệp VT; địa chỉ: Căn 12A 06, S202 VS City, W, Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội (Văn bản ủy quyền ngày 08/9/2022), có mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn, được bổ sung bằng các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện của Nguyên đơn trình bày:*

Ngày 19/7/2020 Công ty cổ phần công nghiệp VT (Công ty VT) ký kết hợp đồng số 19.7/2020/HĐ/VDI/XL/B3b với chủ đầu tư là Công ty TNHH đầu tư và phát triển Đ (Công Ty Đ) để thực hiện Gói thầu XL-B3B: thi công xây dựng các cầu Tràn Q 1, Tràn Q 2 và cầu Pg, dự án: Đường cao tốc Vân Đồn - Móng Cái,

Đến ngày 31/8/2020, Công ty VT và Công ty cổ phần thép V Việt Nam (Công ty V) ký kết Hợp đồng nguyên tắc số 31.8-2020/V-VTA/HĐNT về việc “mua bán thép” để thi công xây dựng các cầu Tràn Q 1, Tràn Q 2 và cầu Pg, dự án: đường cao tốc Vân Đồn- Móng Cái.

Công ty V đã bàn giao hàng và xuất hóa đơn cho Công ty VT, tổng giá trị hàng hóa là 2.169.838.396 đồng. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại, Công ty VT vẫn chưa thanh toán bất kỳ khoản tiền nào cho Công ty V.

Theo biên bản đối chiếu công nợ được Công ty V và Công ty VT xác nhận, tính đến ngày 01/4/2021, Công ty VT còn phải thanh toán cho Công ty V số tiền 2.284.989.521 đồng, trong đó:

- Số tiền hàng mà phía Công ty VT chưa thanh toán là: 2.169.838.396 đồng (hai tỷ, một trăm sáu mươi chín triệu, tám trăm ba mươi tám nghìn, ba trăm chín mươi sáu đồng);

- Số tiền lãi chậm trả phát sinh từ số tiền 2.169.838.396 đồng (hai tỷ, một trăm sáu mươi chín triệu, tám trăm ba mươi tám nghìn, ba trăm chín mươi sáu đồng) tính từ ngày 09/10/2020 đến ngày 31/3/2021 là: 115.151.125 đồng (một trăm mười lăm triệu, một trăm lăm mươi một nghìn, một trăm hai mươi lăm đồng).

Ngày 29/4/2021, Công Ty Đ (bên A), Công ty VT (bên B), Công ty V (bên C) đã ký biên bản thỏa thuận về việc: “Ủy quyền thanh toán”. Theo nội dung của biên bản thỏa thuận trên thì Công Ty Đ đồng ý thanh toán trực tiếp cho Công ty V giá trị hàng hóa, dịch vụ mà Công ty V đã cung cấp cho Công ty VT. Tại Điều 2 của biên bản thỏa thuận ngày 29/4/2021 có quy định:

“2. Bên A sẽ thanh toán cho bên C trong vòng 14 ngày làm việc kể từ ngày bên A nhận được bộ Hồ sơ đề nghị thanh toán theo quy định dưới đây:

- i) Văn bản của bên B đề nghị bên A thanh toán cho bên C thể hiện rõ giá trị thanh toán từng đợt và theo biểu mẫu thanh toán của bên A;

- ii) Hồ sơ thanh toán của bên B đã được bên A chấp thuận nghiệm thu;

- iii) Giá trị đề nghị thanh toán theo đơn giá đã thỏa thuận tại hợp đồng số 31.8-2020/V-VTA/HĐNT ngày 31/8/2020 ký giữa bên B và bên C, có hồ sơ nghiệm thu của bên B và bên C;

- iv) Biên bản đối chiếu công nợ giữa bên B và bên C tại thời điểm thanh toán (bản gốc);

- v) Hóa đơn giá trị gia tăng bên C đã xuất cho bên B tương ứng giá trị được thanh toán trong đợt (bản gốc hoặc bản sao công ty);

Mặc dù, Công ty V đã gửi đầy đủ các hồ sơ theo quy định tại Điều 2 Biên bản thỏa thuận ngày 29/4/2021 và nhiều lần liên hệ làm việc, gửi công văn yêu cầu Công Ty Đ thanh toán số tiền 2.284.989.521 đồng (hai tỷ, hai trăm tám mươi tư triệu, chín trăm tám mươi chín nghìn, năm trăm hai mươi một đồng), nhưng Công Ty Đ vẫn không thanh toán cho Công ty V theo đúng quy định trong Biên bản thỏa thuận ngày

29/4/2021. Do đó, để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, Công ty V đề nghị Tòa án giải quyết:

- Buộc Công Ty Đ thanh toán cho Công ty V số tiền phát sinh từ hợp đồng nguyên tắc số 31.8-2020/V-VTA/HĐNT ngày 31/8/2020 giữa Công ty VT và công ty V là: 2.169.838.396 đồng (hai tỷ một trăm sáu mươi chín triệu, tám trăm ba mươi tám nghìn, ba trăm chín mươi sáu đồng).

- Buộc Công Ty Đ thanh toán tiền lãi được nêu trong biên bản đối chiếu xác nhận công nợ tiền hàng và tiền lãi chậm thanh toán ngày 01/4/2021 giữa Công ty VT và Công ty V từ ngày 09/10/2020 đến ngày 31/3/2021 là: 115.151.125 đồng (một trăm mười lăm triệu, một trăm lăm mươi một nghìn, một trăm hai mươi lăm đồng).

- Buộc Công Ty Đ thanh toán tổng tiền lãi do chậm trả phát sinh từ hợp đồng nguyên tắc số 31.8-2020/V-VTA/HĐNT ngày 31/8/2020 giữa Công ty VT và Công ty V từ ngày 14/5/2021 tính đến ngày 14/3/2022 (304 ngày) với mức lãi xuất 9%/năm (lãi suất cơ bản của Ngân hàng nhà nước Việt Nam được áp dụng theo quy định tại Điều 1 Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 là:  $2.284.989.521 \text{ đồng} \times 9\%/365 \times 304 \text{ ngày} = 171.280.310 \text{ đồng}$  (một trăm bảy mươi một triệu, hai trăm tám mươi nghìn, ba trăm mười đồng).

Như vậy tổng số tiền mà Công Ty Đ phải thanh toán cho Công ty thép V là 2.456.269.831 đồng (hai tỷ, bốn trăm năm mươi sáu triệu, hai trăm sáu mươi chín nghìn, tám trăm ba mươi một đồng).

*\* Đại diện Bị đơn - Công ty TNHH đầu tư và phát triển Đ (sau đây gọi tắt là “Công ty VDI”) trình bày:*

Thứ nhất: Công ty VDI không có giao dịch hợp đồng mua bán hàng hóa với nguyên đơn Công ty V. Bên có lỗi, có hành vi vi phạm và là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến thiệt hại cho phía nguyên đơn là Công ty VT.

Thứ hai: sự thật của vụ việc là Công ty VDI cam kết sẽ đứng ra thanh toán trực tiếp cho nhà cung cấp - Công ty V những khoản công nợ đúng ra phải thanh toán cho Nhà thầu - Công ty VT khi thi công theo Hợp đồng số 19.7/2020/HĐ/VDI/XL-B3b ký ngày 19/7/2020. Vì vậy, mới có nội dung ủy quyền thanh toán của Nhà thầu Công ty VT cho Công ty VDI.

Tại buổi làm việc ngày 16/4/2021, Chủ đầu tư, nhà thầu VT và các nhà cung cấp của Công ty VT (bao gồm cả nguyên đơn – V) đều thống nhất việc chủ đầu tư

trên cơ sở giá trị còn lại của Công ty VT sẽ thanh toán cho các thầu phụ (chi tiết xem tại Biên bản cuộc họp ngày 16/4/2021).

Đơn khởi kiện của Nguyên đơn trình bày Công Ty Đ đồng ý thanh toán trực tiếp cho Công ty V giá trị hàng hóa, dịch vụ mà Công ty V đã cung cấp cho Công ty VT là bẻ đi một nửa của sự thật. Khi Công ty VT không có quyền thanh toán thì việc ủy quyền thanh toán cũng theo đó mà hết hiệu lực.

Thứ ba: xét riêng nội dung Biên bản thỏa thuận về việc ủy quyền thanh toán ngày 29/4/2021, Công ty VDI cũng không phát sinh nghĩa vụ thanh toán thay cho Nhà thầu VT. Bởi, một trong những điều kiện bắt buộc trong hồ sơ đề nghị thanh toán của Nguyên đơn phải gửi tới Chủ đầu tư là *Hồ sơ thanh toán của Bên B (Nhà thầu VT) đã được bên A (chủ đầu tư) chấp thuận nghiệm thu* theo Hợp đồng thi công số 19.7/2020/HĐ/VDI/XL-B3b ngày 19/7/2020 (điểm ii, mục 2 Biên bản thỏa thuận ủy quyền thanh toán).

Nội dung này đã được Chủ đầu tư thúc giục nhiều lần nhưng Nhà thầu VT không thực hiện và Nguyên đơn – Công ty V không có để cung cấp đến Chủ đầu tư - Công ty VDI, làm phát sinh nghĩa vụ thanh toán trong vòng 14 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ.

Biên bản thỏa thuận về việc ủy quyền thanh toán ngày 29/4/2021 cũng không có nội dung chuyển giao nghĩa vụ hợp đồng, bảo lãnh thanh toán hay bất kỳ nội dung nào khác về việc VDI sẽ đảm trách thanh toán cho mọi giá trị hàng hóa mua bán giữa hai bên (VT cùng V) vốn dĩ vẫn thuộc về trách nhiệm của bên mua – Công ty VT.

- Về việc tạm ứng: sau khi ký hợp đồng, Công ty VDI đã tạm ứng cho Công ty VT với số tiền là 16.786.846.300 đồng.

- Về hồ sơ thanh toán khối lượng thi công R thành: Công ty VT phải lập 12 bộ hồ sơ thanh toán, với 03 quyển chứng từ gồm: Hồ sơ thanh toán; Hồ sơ chất lượng và Hồ sơ pháp lý – Chi tiết tại Phụ lục 2: Danh mục hồ sơ, tài liệu thanh toán đính kèm theo Hợp đồng 19.7/2020/HĐ/VDI/XL-B3b. Khi Công ty VT trình đủ các hồ sơ thanh toán hợp lệ, Công ty VDI sẽ kiểm tra phê duyệt hồ sơ thanh toán trong một thời hạn được hai bên thỏa thuận trước. Hết thời hạn kiểm tra phê duyệt hồ sơ mà bên A (VDI) không có ý kiến gì thì mặc nhiên hồ sơ thanh toán được coi là hợp lệ, được chấp thuận. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty VT đã lập 02 Bản thanh toán tạm thời (Chi tiết Bản thanh toán tạm thời số 01 và 02 - đó là hồ sơ tạm

tính do Công ty VT lập gửi tới Công ty VDI), thì khối lượng công việc thực hiện dở dang trên công trường có giá trị 9.252.711.000 đồng. Tuy nhiên, Công ty VT đã bỏ dở việc thực hiện hợp đồng, VDI đã nhiều lần yêu cầu Công ty VT đến lập hồ sơ ghi nhận khối lượng công việc dở dang, thực hiện thủ tục hoàn công và quyết toán để xác định giá trị hoàn thành theo quy định hợp đồng (tại văn bản số 52/VDI-KHKT ngày 18/01/2022, số 78/VDI-KHKT ngày 24/01/2022, số 686/VDI-KHKT ngày 18/7/2022 kèm theo), nhưng Công ty VT đã không thực hiện. Giá trị dở dang trên công trường vẫn là con số tạm tính, chưa có tài liệu chứng minh hoặc ý kiến giám định chuyên môn của Cơ quan có thẩm quyền. Do vậy, giá trị khối lượng hoàn thành của Công ty VT tại Gói thầu XL- B3B là bằng 0 đồng (không đồng).

- Về Biên bản thỏa thuận về việc ủy quyền thanh toán ký lập ngày 29/4/2021: Biên bản thỏa thuận về việc ủy quyền thanh toán ngày 29/4/2021 giữa 03 bên Công ty VDI, Công ty VT và Công ty V được ký lập căn cứ trên nội dung 02 bản hợp đồng gồm:

+ Hợp đồng số 19.7/2020/HĐ/VDI/XL-B3b ngày 19/7/2020 giữa Công ty VDI với Công ty VT;

+ Hợp đồng số 31.08-2020/V-VTA/HĐNT ký ngày 31/8/2020 giữa Công ty VT với Công ty thép V.

Mục 1 Biên bản thỏa thuận: bên A đồng ý thanh toán trực tiếp giá trị hàng hóa, dịch vụ mà bên C đã cung cấp cho bên B để phục vụ thi công theo hợp đồng 19.7/2020/HĐ/VDI/ XL-B3b ngày 19/7/2020, tức là chỉ những hàng hóa, dịch vụ được đưa vào dự án phục vụ thi công theo hợp đồng, không phải mọi hàng hóa giữa bên B và bên C.

Để kiểm soát hàng hóa, dịch vụ được đưa vào dự án phục vụ hợp đồng, bên A đã ràng buộc hồ sơ thanh toán bên C cung cấp phải có Hồ sơ thanh toán của bên B đã được bên A chấp thuận nghiệm thu. Chi tiết hồ sơ thanh toán (bao gồm vật tư tập kết tại công trường hoặc khối lượng công việc thi công) của bên B được thỏa thuận tại Phụ lục 2: Danh mục hồ sơ, tài liệu thanh toán đính kèm theo Hợp đồng 19.7/2020/HĐ/VDI-XL- B3b.

Thực tế sau đó, ngày 15/6/2021 công ty VDI, nhà thầu VT và các nhà cung cấp (bao gồm cả Nguyên đơn – V) cũng thống nhất “Chủ đầu tư sẽ xem xét thanh toán cho bên C khi Chủ đầu tư nhận được đầy đủ hồ sơ chứng từ theo Biên bản thỏa thuận

ủy quyền thanh toán 03 bên và Chủ đầu tư thu hồi được số tiền Nhà thầu VT phải hoàn trả cho Chủ đầu tư”, chi tiết theo Biên bản cuộc họp ngày 15/6/2021.

Như vậy, VDI khẳng định Công ty không vi phạm hợp đồng cũng như cam kết đã ký với các bên. Nguyên đơn – Công ty V hiểu rõ nội dung thỏa thuận các bên đã thống nhất, nhưng cố tình gạt, bỏ qua nội dung đã thống nhất tại Biên bản cuộc họp ngày 15/6/2021 và sang hướng VDI có nghĩa vụ thanh toán cho mọi khoản nợ của Công ty VT.

Công ty TNHH đầu tư và phát triển Đ không chấp nhận yêu cầu khởi kiện vô căn cứ của nguyên đơn là Công ty cổ phần thép V.

*\* Đại diện người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan - Công ty cổ phần công nghiệp VT - ông Phạm Văn R trình bày:*

Trong quá trình thực hiện hợp đồng số 19.7/2020/HĐ/VDI/XL-B3b ngày 19/7/2020 về việc thi công gói thầu XL-B3b giữa Công ty VT và chủ đầu tư là Công Ty Đ đã xảy ra một số vấn đề: Hồ sơ pháp lý dự án, Công ty VT đã hoàn thành giá trị xây lắp bằng hồ sơ thanh toán tạm thời số 01 nhưng vẫn không được Công Ty Đ thanh toán theo hợp đồng dẫn đến việc không thanh toán được tiền hàng cho Công ty V. Sự việc dẫn đến là ngày 16/4/2021 tại văn phòng Công Ty Đ chủ trì cuộc họp và cùng nhau có biên bản thỏa thuận về việc “Ủy quyền thanh toán” giữa ba bên ngày 29/4/2021.

Công ty VT xác nhận số liệu công nợ với Công ty V là chính xác và đưa vào thực hiện cho gói thầu XL B3b (như toàn bộ Công ty V cung cấp cho Công Ty Đ như: Biên bản giao nhận hàng hóa, hóa đơn GTGT...) theo yêu cầu của bên bán thỏa thuận ủy quyền thanh toán 03 bên ngày 29/4/2021.

Công ty cổ phần công nghiệp VT đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long giải quyết theo quy định của pháp luật.

Với nội dung trên, tại bản án sơ thẩm số 03/2023/KDTM-ST ngày 21/02/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long đã quyết định: căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 1 Điều 147, Điều 271, Điều 273, khoản 4 Điều 264 và Điều 267 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 274, 275, 284 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Công ty cổ phần thép V Việt Nam về việc yêu cầu Tòa án buộc Công ty TNHH đầu tư và phát triển Đ phải thanh toán cho Công ty cổ phần thép V Việt Nam tổng số tiền là 2.456.269.831 đồng (hai tỷ, bốn trăm năm mươi sáu triệu, hai trăm sáu mươi chín nghìn, tám trăm ba mươi một đồng), trong đó bao gồm:

- Số tiền phát sinh từ hợp đồng nguyên tắc số 31.8-2020/V-VTA/HĐNT ngày 31/8/2020 giữa Công ty VT và Công ty V là: 2.169.838.396 đồng (hai tỷ, một trăm sáu mươi chín triệu, tám trăm ba mươi tám nghìn, ba trăm chín mươi sáu đồng).

- Tiền lãi được nêu trong biên bản đối chiếu xác nhận công nợ tiền hàng và tiền lãi chậm thanh toán ngày 01/4/2021 giữa Công ty VT và Công ty V từ ngày 09/10/2020 đến ngày 31/3/2021 là: 115.151.125 đồng (một trăm mười lăm triệu, một trăm năm mươi một nghìn, một trăm hai mươi lăm đồng).

- Tiền lãi do chậm trả phát sinh từ hợp đồng nguyên tắc số 31.8-2020/V-VTA/HĐNT ngày 31/8/2020 giữa Công ty VT và Công ty V từ ngày 14/5/2021 tạm tính đến ngày 14/3/2022 (304 ngày) với mức lãi xuất 9%/năm (lãi suất cơ bản của Ngân hàng nhà nước Việt Nam được áp dụng theo quy định tại Điều 1 Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 là:  $2.284.989.521 \text{ đồng} \times 9\% / 365 \times 304 \text{ ngày} = 171.280.310 \text{ đồng}$  (một trăm bảy mươi một triệu, hai trăm tám mươi nghìn, ba trăm mười đồng).

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, về quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 03/3/2023, nguyên đơn Công ty Cổ phần thép V kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Đề nghị xét xử phúc thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tài liệu chứng cứ gửi kèm theo đơn kháng cáo có 01 bản phô tô Chứng thư bảo lãnh hoàn trả tiền ứng trước số ND 2024461787 ngày 31/8/2020 của Ngân hàng TMCP Quốc Dân chi nhánh Hà Nội. Nội dung: Ngân hàng theo yêu cầu của bên A (Công ty VT), đồng ý vô điều kiện, không hủy ngang và không yêu cầu bên B (công ty VT) phải xem xét trước. Thanh toán cho bên A khi bên A có yêu cầu với một khoản tiền không vượt quá 16.786.846.300đ.

Tại phiên tòa phúc thẩm: nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, giữ nguyên nội dung kháng cáo.

- Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, không xuất trình bổ sung thêm tài liệu, chứng cứ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh phát biểu quan điểm trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm:

- Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự, đều chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về nội dung kháng cáo của nguyên đơn; đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận nội dung kháng cáo của Công ty thép V, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 03/2023/KDTM-ST ngày 21/02/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

#### **[1]. Về tố tụng:**

Kháng cáo của Công ty thép V được thực hiện trong thời hạn luật định, nội dung kháng cáo trong phạm vi bản án sơ thẩm, nên hợp lệ và được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

#### **[2]. Xét kháng cáo của Công ty thép V:**

[2.1]. Nội dung kháng cáo không đồng ý với Bản án sơ thẩm số 03/2023/KDTM-ST ngày 21/02/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long; vì cho rằng bản án nhận định Công ty V chưa cung cấp đầy đủ hồ sơ thanh toán theo mục 2 Biên bản thỏa thuận về việc ủy quyền thanh toán ngày 29/4/2021 là không có căn cứ. Hội đồng xét xử xét thấy:

Ngày 31/8/2020, Công ty VT đã ký kết Hợp đồng nguyên tắc số 31.8-2020/V-VTA/HĐNT với Công ty cổ phần thép V Việt Nam (Công ty V) về việc “mua bán thép” để Công ty VT thi công xây dựng gói thầu XL-B3B: thi công xây dựng các cầu Tràng Q 1, Tràng Q 2 và cầu Pg, dự án: đường cao tốc Vân Đồn - Móng Cái với chủ đầu tư là Công Ty Đ. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty V đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ giao hàng đúng chủng loại, đúng theo thỏa thuận trong hợp đồng, xuất đầy đủ hóa đơn giá trị gia tăng. Tuy nhiên, Công ty VT vẫn chưa thực hiện thanh toán bất kỳ khoản tiền nào cho Công ty V.

Ngày 29/4/2021, Công ty VT (bên B), Công ty V (bên C) và Công Ty Đ (bên A) đã ký biên bản thỏa thuận về việc: “Ủy quyền thanh toán”. Theo nội dung của

biên bản thỏa thuận trên thì Công Ty Đ đồng ý thanh toán trực tiếp cho Công ty V giá trị hàng hóa, dịch vụ mà Công ty V đã cung cấp cho Công ty VT. Tại Điều 2 của biên bản thỏa thuận ngày 29/4/2021 có quy định như sau:

“2. Bên A sẽ thanh toán cho bên C trong vòng 14 ngày làm việc kể từ ngày bên A nhận được bộ Hồ sơ đề nghị thanh toán theo quy định dưới đây:

i) Văn bản của bên B đề nghị bên A thanh toán cho bên C thể hiện rõ giá trị thanh toán từng đợt và theo biểu mẫu thanh toán của bên A;

ii) Hồ sơ thanh toán của bên B đã được bên A chấp thuận nghiệm thu;

iii) Giá trị đề nghị thanh toán theo đơn giá đã thỏa thuận tại hợp đồng số 31.8-2020/V-VTA/HĐNT ngày 31/8/2020 ký giữa bên B và bên C, có hồ sơ nghiệm thu của bên B và bên C;

iv) Biên bản đối chiếu công nợ giữa bên B và bên C tại thời điểm thanh toán (bản gốc);

v) Hóa đơn giá trị gia tăng bên C đã xuất cho bên B tương ứng giá trị được thanh toán trong đợt (bản gốc hoặc bản sao công ty)”;

Sau cuộc họp ba bên về việc ủy quyền thanh toán nêu trên, đến ngày 06/5/2021 Công ty V đã có văn bản đề nghị thanh toán và cung cấp Bộ hồ sơ đề nghị thanh toán cho Công Ty Đ. Bộ hồ sơ đề nghị thanh toán mà Công ty V gửi cho Công Ty Đ không có Hồ sơ thanh toán của bên B đã được bên A chấp thuận nghiệm thu theo quy định tại điểm ii mục 2 của Biên bản thỏa thuận (thể hiện qua Giấy bàn giao hồ sơ ngày 06/5/2021- Bút lục 133),

Các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện: quá trình thực hiện hợp đồng, do thực hiện công việc dở dang nên Công ty VT mới lập được 02 Bản thanh toán tạm thời (thể hiện khối lượng công việc dở dang trên công trường), với giá trị tạm tính là 9.252.711.000 đồng. Công Ty Đ đã nhiều lần yêu cầu Công ty VT thực hiện thủ tục hoàn công và quyết toán để xác định giá trị hoàn thành theo quy định của hợp đồng để làm cơ sở thanh toán, nhưng Công ty VT không thực hiện (thể hiện tại văn bản số 52/VDI-KHKT ngày 18/01/2022, văn bản số 78/VDI-KHKT ngày 24/01/2022, văn bản số 686/VDI-KHKT ngày 18/7/2022 của Công Ty Đ gửi Công ty VT).

Như vậy, cho đến thời điểm xét xử sơ thẩm ngày 21/02/2023, Công ty VT chưa cung cấp cho Công Ty Đ hồ sơ thanh toán theo quy định tại điểm ii mục 2 Biên bản thỏa thuận ngày 29/4/2021. Vì vậy, chưa phát sinh nghĩa vụ thanh toán số tiền

2.169.838.396đ từ Công Ty Đ sang cho Công ty V theo biên bản thỏa thuận ngày 29/4/2021. Bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty V là có căn cứ, đúng pháp luật. Nội dung kháng cáo nêu trên của Công ty Thép V là không có cơ sở chấp nhận.

[2.2]. Nội dung kháng cáo yêu cầu Công Ty Đ phải thanh toán cho Công ty V số tiền lãi chậm trả phát sinh từ số tiền hàng 2.169.838.396đ tạm tính từ ngày 09/10/2020 đến ngày 15/02/2023 là 498.062.412đ. Hội đồng xét xử xét thấy:

Công ty Thép V (Công ty VT) không cung cấp được cho Công Ty Đ hồ sơ thanh toán theo quy định tại điểm ii mục 2 Biên bản thỏa thuận ngày 29/4/2021. Vì vậy chưa phát sinh nghĩa vụ thanh toán số tiền 2.169.838.396đ từ Công Ty Đ sang cho Công ty V theo biên bản thỏa thuận ngày 29/4/2021 như đã phân tích tại mục [2.1] nêu trên. Vì vậy chưa phát sinh nghĩa vụ thanh toán số tiền 2.169.838.396đ từ Công Ty Đ sang cho Công ty V theo biên bản thỏa thuận ngày 29/4/2021. Cũng không có cơ sở để buộc Công Ty Đ phải thanh toán cho Công ty V số tiền lãi chậm trả phát sinh từ số tiền hàng 2.169.838.396đ.

[3]. Từ những phân tích nêu trên, không có căn cứ chấp nhận nội dung kháng cáo của Công ty Thép V.

[4]. Về án phí phúc thẩm: kháng cáo của Công ty V không được chấp nhận. Vì vậy, Công ty V phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

#### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của Công ty Thép V

Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 03/2023/KDTM-ST ngày 21/02/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long.

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 148, Điều 228, khoản 1 Điều 244, Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 274, 275, 284 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Công ty cổ phần thép V Việt Nam về việc yêu cầu Tòa án buộc Công ty TNHH đầu tư và phát triển Đ phải thanh toán cho Công ty cổ phần thép V Việt Nam tổng số tiền là 2.456.269.831 đồng (hai tỷ, bốn trăm năm mươi sáu triệu, hai trăm sáu mươi chín nghìn, tám trăm ba mươi một đồng), trong đó bao gồm:

- Số tiền phát sinh từ hợp đồng nguyên tắc số 31.8-2020/V-VTA/HĐNT ngày 31/8/2020 giữa Công ty VT và Công ty V là: 2.169.838.396 đồng (hai tỷ, một trăm sáu mươi chín triệu, tám trăm ba mươi tám nghìn, ba trăm chín mươi sáu đồng).

- Tiền lãi được nêu trong biên bản đối chiếu xác nhận công nợ tiền hàng và tiền lãi chậm thanh toán ngày 01/4/2021 giữa Công ty VT và Công ty V từ ngày 09/10/2020 đến ngày 31/3/2021 là: 115.151.125 đồng (một trăm mười lăm triệu, một trăm năm mươi một nghìn, một trăm hai mươi lăm đồng).

- Tiền lãi do chậm trả phát sinh từ hợp đồng nguyên tắc số 31.8-2020/V-VTA/HĐNT ngày 31/8/2020 giữa Công ty VT và Công ty V từ ngày 14/5/2021 tạm tính đến ngày 14/3/2022 (304 ngày) với mức lãi xuất 9%/năm (lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam được áp dụng theo quy định tại Điều 1 Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 là:  $2.284.989.521 \text{ đồng} \times 9\% / 365 \times 304 \text{ ngày} = 171.280.310 \text{ đồng}$  (một trăm bảy mươi một triệu, hai trăm tám mươi nghìn, ba trăm mười đồng).

## 2. Về án phí:

Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty V phải chịu 81.125.397 đồng (Tám mươi một triệu một trăm hai mươi lăm nghìn ba trăm chín mươi bảy đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, được trừ vào số tiền 40.089.422 đồng (Bốn mươi triệu, không trăm tám mươi chín nghìn, bốn trăm hai mươi hai đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000426 ngày 24/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Công ty V còn phải nộp tiếp số tiền 41.035.975 đồng (Bốn mươi một triệu, không trăm ba mươi lăm nghìn, chín trăm bảy mươi lăm đồng).

Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Công ty V phải chịu 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) và 1.700.000 đồng (Một triệu bảy trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo các biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001484 ngày 10/3/2022, số 0001546 ngày 30/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân

sự thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Công ty V đã nộp xong án phí dinh doanh thương mại phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- TAND TP Hạ Long;
- THADS TP Hạ Long;
- Các đương sự;
- Lưu HS - VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Hồng Ánh**